

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện



Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	801.39	↑ 0.2	↑ 0.03
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	686.86	↑ 0.19	↑ 0.03
PVN ALLSHARE	668.83	↓ -0.62	↓ -0.09
PVN ALLSHARE HNX	576.82	↑ 0.22	↑ 0.04
PVN ALLSHARE HSX	718.79	↑ 0.19	↑ 0.03
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1089.86	↑ 2.9	↑ 0.27
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	866.2	↓ -7.04	↓ -0.81
PVN Tài Chính	606.32	↑ 1.34	↑ 0.22
PVN Công Nghiệp	485.75	↑ 2.16	↑ 0.45
PVN Dầu Khí	635.05	↓ -0.36	↓ -0.06
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	743.27	→ 0	→ 0

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản

• PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng

• PVN Tài Chính
- PVN Công Nghiệp

• PVN Dầu Khí

• PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)
Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	426.98 ↑	3.41	0.81%
KLGD (triệu ck)	42.12 ↑	18.33	77.03%
GTGD (tỷ đồng)	717.85 ↑	368.31	105.37%
Tổng cung (triệu ck)	53.63 ↓	-59.13	-52.44%
Tổng cầu (triệu ck)	64.04 ↓	-65.19	-50.45%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.66 ↓	-0.32	-32.87%
KL bán (triệu ck)	0.87 ↓	-0.04	-4.82%
Giá trị mua (tỷ đồng)	35.94 ↑	5.39	17.63%
Giá trị bán (tỷ đồng)	37.45 ↑	7.41	24.69%

- Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế nước này trong năm 2012, viện dẫn mối đe dọa từ Khu vực đồng tiền chung châu Âu (eurozone) và việc các ngân hàng thắt chặt cho vay kéo nền kinh tế đi xuống.
- Theo thông báo ngày 8/8 của Bộ Kinh tế Đức, sản lượng công nghiệp tháng Sáu của nước này giảm 0,9% so với tháng. Thực trạng này khiến sản lượng kinh tế nói chung của Đức trong quý II năm nay giảm 0,3%, sau khi đã giảm 0,1% trong quý I.
- Ngân hàng Trung ương Pháp dự báo, kinh tế Pháp sẽ rơi vào thời kỳ suy thoái thứ hai trong vòng ba năm nay. Theo đó, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trong quý III năm nay giảm 0,1%, sau khi đã giảm ở mức tương tự trong quý II.
- Quốc hội Italy ngày 7/8 đã thông qua lần cuối kế hoạch cắt giảm chi tiêu công mới trị giá 26 tỷ euro (32,3 tỷ USD) trong 3 năm tới. Đây là quốc gia thứ hai sau khi Hy Lạp đã buộc phải lên kế hoạch thắt lưng buộc bụng.
- Hãng đánh giá tín nhiệm Moody's vừa công bố duy trì triển vọng tín nhiệm nợ quốc gia của Việt Nam ở mức 'tiêu cực', cho dù nhận định Việt Nam đã đạt tiến bộ trong việc lập lại ổn định kinh tế vĩ mô.
- Nhà máy lọc dầu Dung Quất đã chính thức tạm dừng sản xuất do sự cố lỗi kỹ thuật ở khớp dẫn nở nhiệt trên tầng xả khí CO của phân xưởng cracking xúc tác (RFCC). Theo lãnh đạo nhà máy thì thời gian dừng sản xuất kéo dài bao lâu thì chưa thể xác định. Với áp lực từ việc giá xăng dầu thế giới đang tăng cao thì đây sẽ là điểm rất bất lợi đối với giá bán lẻ xăng dầu trong nước trong thời gian sắp tới.

Công Ty CPCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

Diễn biến thị trường cho thấy chỉ số hai sàn đang chịu nhiều ảnh hưởng từ diễn biến tích cực trên một số ít mã cổ phiếu vốn hóa lớn. Bên cạnh đó, trên nhiều bluechips áp lực bán có chiều hướng gia tăng mạnh trong khi sức mua tương đối yếu ớt. Sự phân kì tiêu cực trên công cụ dòng tiền trong những phiên tăng của chỉ số là một tín hiệu cho thấy chưa có đủ cơ sở về mặt kỹ thuật để kết luận rằng thị trường đang tích cực hơn. Bên cạnh đó, những phiên sắp áp lực bán có thể còn tăng mạnh hơn nữa khi VN-index tới sát kháng cự 430 điểm và HNX-Index tiến lại gần kháng cự mạnh 72 điểm.

HNX:**Nhận định thị trường:****Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	70.79 ↑	0.31	0.44%
KLGD (triệu ck)	39.49 ↓	-0.13	-0.32%
GTGD (tỷ đồng)	376.36 ↓	-153.07	-28.91%
Tổng cung (triệu ck)	73.99 ↑	24.71	50.13%
Tổng cầu (triệu ck)	65.98 ↓	-2.67	-3.89%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.21 ↓	-0.54	-72.38%
KL bán (triệu ck)	1.13 ↓	-0.98	-46.40%
Giá trị mua (tỷ đồng)	3.24 ↓	-6.68	-67.33%
Giá trị bán (tỷ đồng)	13.97 ↓	-3.65	-20.70%



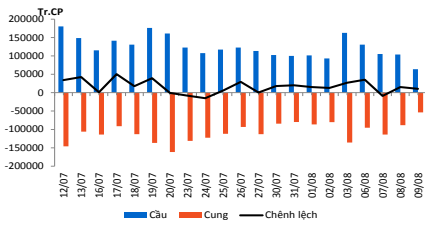
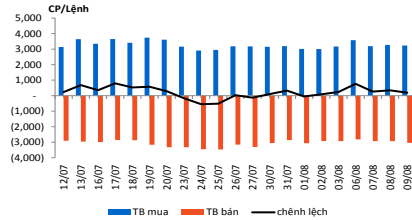
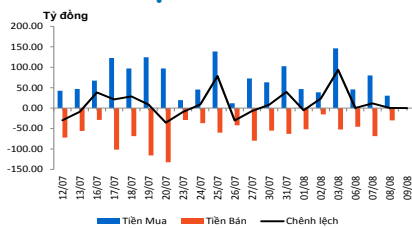
Đồ thị HNX-Index.

Nếu không có những dấu hiệu tích cực hơn từ yếu tố thanh khoản mà cụ thể, nếu KLGD khớp lệnh của HNX-Index vẫn chỉ đạt mức quanh 40 – 50 triệu đơn vị mỗi phiên thì xác suất đối mặt với đợt giảm ngắn hạn của chỉ số đang ở mức rất cao khi HNX-Index cận 2 kháng cự là đường kênh giảm và kháng cự 72 điểm...

KLGD có tăng nhẹ so với những phiên trước, nhưng thực tế là quá thấp so với mức tăng của chỉ số. Đặc điểm này phản ánh trên sự phân kì tiêu cực của công cụ dòng tiền MFI.

Khoảng dao động kênh của HNX-Index khá rộng, tuy nhiên hiện tại HNX-Index đã ở ngay đường giới hạn của kênh giảm. Nếu đảo chiều giảm ngay tại mức này, tình trạng tiêu cực của chỉ số sẽ ở mức cao.

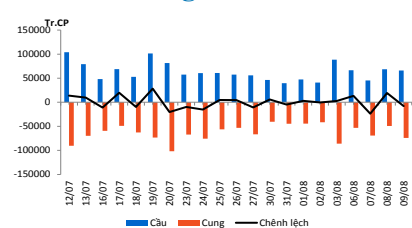
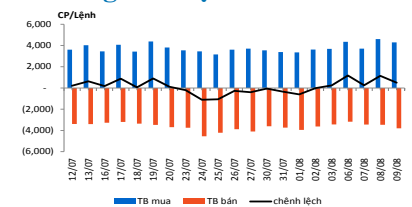
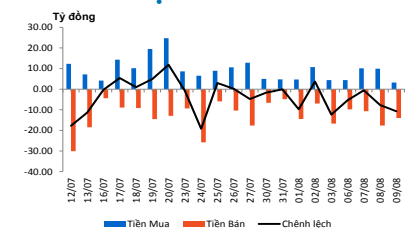
Ở một kịch bản khác, có thể HNX-Index cố tăng thêm vài phiên nữa, nhưng nếu thanh khoản không cải thiện tốt hơn thì sức cầu khả năng cao sẽ đầu hàng bên bán tại vùng 72 điểm vốn là kháng cự mạnh của chỉ số. Vùng 72 điểm này cũng trùng với biên trên của dải bollinger Band nên sức kháng cự là rất mạnh. KLGD đạt tối thiểu 60 triệu đơn vị để có thể phá vỡ vùng kháng cự này.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Về cuối phiên sáng, có thể thấy rõ hoạt động thoát hàng và chốt lời tại nhóm cổ phiếu Khai khoáng. Tuy vậy, thị trường vẫn tăng khá mạnh nhờ lực đỡ từ dòng tiền mới vào. Lực cầu tại CTG, SSI, VNM khá lớn, trong khi STB giao dịch yếu. CSG sau thông tin giải thể đình đám vẫn không thể tăng, trong khi LGC đã giảm sàn trở lại sau thông tin CII mua lượng lớn cổ phiếu chi phối. VN-Index tăng 3.15 điểm, tương ứng 0.74% lên 426.72 điểm.

Sắc xanh tiếp tục được duy trì trong suốt phiên giao dịch buổi chiều, tuy nhiên giao dịch yếu hơn hẳn so với phiên buổi sáng. Đà tăng chủ yếu được hỗ trợ bởi nhóm cổ phiếu lớn, trong khi các mã khác chỉ tăng nhẹ do lực bán ra còn khá mạnh. Với tổng cộng 133 mã tăng giá, trong đó các khá nhiều chủ chốt như BVH (+2.68%), MSN (+2.04%), VNM (+2.94%), CTG (+2.4%) và các mã bluechips HAG, SSI, DPM, VCB, ITA... giúp VN-Index tăng 3.41 điểm, tương ứng 0.81% đóng cửa tại 426.98 điểm.

Giao dịch chỉ tăng nhẹ so với buổi sáng, nhưng tính chung toàn phiên HOSE có 43 triệu đơn vị chuyển nhượng, tăng mạnh so với hôm qua, trị giá hơn 728 tỷ đồng. Khối ngoại giao dịch rất cầm chừng.

HNX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Giao dịch trên HNX khởi đầu phiên khá nhanh ngay từ lúc mở cửa. HBB và SHB duy trì tăng trần với dư mua giá trần lớn, ở HBB lên đến hơn 6 triệu đơn vị. Hai cổ phiếu đầu cơ hạng nặng khác là BKC và ORS cũng “đu” giá trần. Trong khi BVS tăng khá mạnh cùng với KLS và VND. Lượng bán của khối ngoại tại KLS tương đối nhiều. Trên HNX, hoạt động bán ra tại KLS, BVS, VND, VCG, PVX dần tăng về cuối phiên sáng. Tuy vậy, thị trường vẫn tăng khá mạnh nhờ lực đỡ từ dòng tiền mới vào. HNX-Index tăng 0.44 điểm, tức 0.62% lên 70.92 điểm.

Cuối phiên, Sàn HNX cũng duy trì được đà tăng nhờ sự đột biến của hai mã SHB và HBB, trong khi các mã trụ cột khác như VND, KLS, SCR, VCG, DCS... lại giằng co và lùi về mốc tham chiếu, trong khi PVX và ACB tăng nhẹ. HNX-Index đóng cửa ở mức 70.79 điểm, thấp hơn phiên buổi sáng, tức tăng 0.31 điểm, tương đương 0.44% so với phiên trước. Giao dịch đạt 39.5 triệu đơn vị, trị giá 376.47 tỷ đồng, thấp hơn phiên trước cả về khối lượng lẫn giá trị.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 13 cổ phiếu đứng giá, 6 mã giảm giá và 9 mã tăng giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PVR (tăng 5,66%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 0,39% và tổng khối lượng giao dịch đạt 8,66 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 09/08:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,500.0	-	0.00	0.48	14.86	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,300.0	-	0.00	0.32	30.00	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	4,500.0	418,500	0.00	0.26	0.44	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	20,700.0	421,800	-0.96	1.70	1.38	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,300.0	19,700	1.09	0.86	5.89	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,100.0	-	0.00	0.47	2.82	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,300.0	90,300	1.92	0.52	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	14,800.0	24,765	-1.33	0.88	2.21	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	10,800.0	9,400	-0.92	1.89	4.93	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	11,000.0	259,600	-0.90	0.71	7.91	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	16,500.0	44,100	0.00	0.71	8.33	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5,600.0	1,200	5.66	0.54	2.63	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,500.0	553,230	-0.64	1.31	4.14	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8,700.0	3,916,165	1.16	0.38	3.27	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	39,100.0	172,070	0.00	3.16	12.53	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	37,600.0	552,960	0.27	2.25	6.07	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,300.0	29,670	0.38	1.21	3.20	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,200.0	40,610	2.86	0.62	5.26	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,300.0	109,160	-0.81	0.70	3.03	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	37,500.0	203,700	0.00	1.83	5.30	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,400.0	99,000	2.33	0.43	3.41	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	33,800.0	58,500	0.00	1.14	6.64	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	12,200.0	703,270	0.00	1.07	15.44	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,300.0	768,520	0.00	0.54	48.18	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	6,200.0	34,800	0.00	0.59	4.13	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4,700.0	26,710	0.00	0.43	2.45	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,700.0	103,700	0.94	0.81	3.21	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,500.0	3,120	0.00	0.50	3.62	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SSI	20,800	21,200	1.92	30,603,906
BMC	57,500	59,000	2.61	22,410,000
BVH	41,100	42,200	2.68	22,837,000
DPM	37,500	37,600	0.27	20,790,648
KSA	14,000	14,100	0.71	17,699,000

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	11,400	11,400	0.00	44,010
KLS	10,400	10,400	0.00	38,444
PVX	8,600	8,700	1.16	34,395
SHB	8,900	9,500	6.74	33,331
SCR	10,400	10,400	0.00	28,421

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
TNT	4,000	4,200	200	5.00
IDI	8,000	8,400	400	5.00
BTT	22,200	23,300	1,100	4.95
PGC	10,400	10,900	500	4.81
HHS	27,200	28,500	1,300	4.78

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
V11	1,000	1,100	100	10.00
D11	15,900	17,000	1,100	6.92
NHC	23,200	24,800	1,600	6.90
ORS	2,900	3,100	200	6.90
KSD	2,900	3,100	200	6.90

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
NBB	34,700	33,000	-1,700	-4.90
PDN	22,700	21,600	-1,100	-4.85
SFC	25,000	23,800	-1,200	-4.80
FDC	21,000	20,000	-1,000	-4.76
HVG	35,700	34,000	-1,700	-4.76

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VTS	16,000	14,900	-1,100	-6.88
SDC	13,500	12,600	-900	-6.67
SDU	6,100	5,700	-400	-6.56
DPC	13,800	12,900	-900	-6.52
VCV	3,100	2,900	-200	-6.45

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VIC	6,941	VNM	8,299
VNM	6,480	PNJ	4,308
GAS	2,825	MBB	2,800
VCB	2,232	BVH	1,979
DPM	1,755	IMP	1,828

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
LAS	745	PGS	2,507
VND	640	KLS	1,976
DBC	316	SHB	1,432
DXP	219	PVG	1,328
VCG	181	AAA	1,028

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339